| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Toàn và ông Phạm Văn Trương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thúy V**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Mạnh Q**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 02 năm 2022 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thúy V trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị V và anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-2022 tại được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, anh Q có đánh chị và có gia đình chồng chứng kiến, anh Q không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ ngày 04-02-2022 đến nay, chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

- *Về nuôi con*: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tại đơn ly hôn và bản tự khai ngày 21-02-2022 thì chị có yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ, chị nhận thấy hiện nay anh Q không có công việc ổn định nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản*: Anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 4 năm 2022, anh Nguyễn Mạnh Q trình bày*

- *Về hôn nhân*: Anh và chị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-2022 tại được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn hòa giải được. Sau Tết âm lịch năm 2022 thì vợ chồng bất đồng quan điểm về nơi ở nên anh chị cãi nhau và li thân từ tháng 02-2022 đến nay. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm và vợ chồng vẫn có thể hòa giải đoàn tụ được với nhau nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

- *Về nuôi con*: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020. Anh sẽ giao con chung cho chị V nuôi dưỡng và không cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản*: Anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Về hôn nhân: Cho chị V được ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao cho chị V trực tiếp nuôi con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về

án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Mạnh Q có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Lê Thúy V khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Q, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị V là nguyên đơn và anh Q là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cát Tiên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 13-01-2022. Như vậy, hôn nhân của chị V và anh Q là hợp pháp. Chị V và anh Q đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống nên có cãi nhau, sau đó chị V và anh Q đã không còn chung sống từ tháng 02 năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Q cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể về sống đoàn tụ với nhau. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, các đương sự đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị V và anh Q có 01 (Một) con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020. Kể từ khi hai vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay thì cháu K đang do chị V trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị V và anh Q thỏa thuận trường hợp ly hôn thì giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020 và anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng cho con của các đương sự có cơ sở để ghi nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thúy V.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thúy V được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh Q.

- Về nuôi con: Giao cho chị Lê Thúy V trực tiếp nuôi con chung Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18-01-2020. Tạm thời anh Q chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Lê Thúy V và anh Nguyễn Mạnh Q trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2.** Về án phí: Chị Lê Thúy V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002284 ngày 11-02-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

**3.** Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Nam Cát Tiên (Số 04/2022, ngày 13-01-2022) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Đại**